Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8483.60.00

Mã HS	8483.60.00
Mô tả hàng hóa	Trục truyền động (kể cả trục cam và trục khuỷu) và tay biên; thân ổ và gối đỡ trục dùng ổ trượt; bánh răng và cụm bánh răng; vít bi hoặc vít đũa; hộp số và các cơ cấu điều tốc khác, kể cả bộ biến đổi mô men xoắn; bánh đà và ròng rọc, kể cả khối puli; ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng) / - Ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	10/11/2026 07:03:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84836000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14637
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14637
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14637
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13991
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13932
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13932
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13932
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13932
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13932
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13932
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13986
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13986
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13986
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13986

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13986
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13986
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13987
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13987
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13987
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13987
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13987
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13987
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13990
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13938
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13946
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13946
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13946
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13946
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13946
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13946
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13977
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13977
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13977
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13977
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13977
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13977
VCFTA	2022	2022	0	VC!D14032
VCFTA	2023	2023	0	VC!E14032
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14032
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14032

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14032
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14032
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D14009
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E14009
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F14009
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G14009
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H14009
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I14009
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D14009
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E14009
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F14009
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G14009
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H14009
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14009
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D14024
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E14024
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F14024
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14024
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14024
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14024
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D14023
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E14023
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F14023
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14023
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14023
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14023

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14016
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14016
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14016
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14016
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14016
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14016
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14016
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14011
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14011
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14011
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14011
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14011
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14011
RCEP B	2022	2022	0	B!D14011
RCEP B	2023	2023	0	B!E14011
RCEP B	2024	2024	0	B!F14011
RCEP B	2025	2025	0	B!G14011
RCEP B	2026	2026	0	B!H14011
RCEP B	2027	2027	0	B!I14011
RCEP C	2022	2022	0	C!D14011
RCEP C	2023	2023	0	C!E14011
RCEP C	2024	2024	0	C!F14011
RCEP C	2025	2025	0	C!G14011
RCEP C	2026	2026	0	C!H14011
RCEP C	2027	2027	0	C!I14011
RCEP D	2022	2022	0	D!D14010

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E14010
RCEP D	2024	2024	0	D!F14010
RCEP D	2025	2025	0	D!G14010
RCEP D	2026	2026	0	D!H14010
RCEP D	2027	2027	0	D!I14010
RCEP E	2022	2022	0	E!D14014
RCEP E	2023	2023	0	E!E14014
RCEP E	2024	2024	0	E!F14014
RCEP E	2025	2025	0	E!G14014
RCEP E	2026	2026	0	E!H14014
RCEP E	2027	2027	0	E!I14014
RCEP F	2022	2022	0	F!D14011
RCEP F	2023	2023	0	F!E14011
RCEP F	2024	2024	0	F!F14011
RCEP F	2025	2025	0	F!G14011
RCEP F	2026	2026	0	F!H14011
RCEP F	2027	2027	0	F!I14011
VIFTA	2024	2024	0	VI!F13016
VIFTA	2025	2025	0	VI!G13016
VIFTA	2026	2026	0	VI!H13016
VIFTA	2027	2027	0	VI!I13016

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8483.60.00 có mã Chương 98 tương ứng 9849.28.60 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - Ly hợp và khớp nối trục (kể cả khớp nối vạn năng)	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8483.60.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8483.60.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14637), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.